

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Số tín chỉ: 2

Bộ môn: Thẩm định giá

Khoa: Thẩm định giá

Hưng Yên, tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTCQTKD ngày/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Thẩm định dự án đầu tư
- Tên tiếng Anh:
- Mã học phần: 005130
- Số tín chỉ: 02, Số tín chỉ lý thuyết: 02, Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô, Tài chính học.
- Môn học song hành: Nguyên lý thẩm định giá

2. Đối tượng áp dụng:

- Môn học bắt buộc cho ngành: Tài chính- ngân hàng (chuyên ngành Thẩm định giá)
- Môn học tự chọn cho ngành: Tài chính- ngân hàng (chuyên ngành Thuế)
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

3. Nội dung tóm tắt của học phần:

Đây là học phần thuộc nhóm các học phần bắt buộc phục vụ sinh viên chuyên ngành Thẩm định giá vì vậy khi đi sâu nghiên cứu sẽ các vấn đề cơ bản như giúp sinh viên hiểu được bản chất các hoạt động đầu tư, dự án đầu tư cũng như chu trình thực hiện đầu tư thông qua khái niệm, vai trò và nội dung cơ bản của môn học. Bên cạnh đó học phần còn giúp sinh viên hiểu và nắm rõ các quan điểm khác nhau trong phân tích quyết định đầu tư. Từ đó có những kỹ năng xây dựng các bảng báo cáo ngân lưu dự án, tính toán hiệu quả đầu tư thông qua các chỉ tiêu cụ thể như NPV, IRR... Mặt khác, học phần còn giúp sinh viên có được những tư duy cũng như kỹ năng phân tích tính hiệu quả thông qua lợi ích tài chính, lợi ích kinh tế của dự án...

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức: Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và bản chất thẩm định dự án đầu tư; các bước để xác định và lập dự án đầu tư trong tất cả các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư mua sắm các thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ. Kiến thức về phân tích các nhân tố ảnh hưởng tích cực, hạn chế đến các dự án để từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm và có cách

tính toán thích hợp khi xây dựng dự án thông qua chỉ số giá có ảnh hưởng của lạm phát...

4.2. *Kỹ năng*: Thông qua học phần sinh viên có thể vận dụng những kiến thức được nghiên cứu vào việc thẩm định dự án đầu tư thông qua các quan điểm và một số chỉ tiêu cơ bản. Cụ thể:

+ Quan điểm tổng đầu tư; quan điểm chủ sở hữu hay đứng trên góc độ nền kinh tế...

+ Lập và phân tích các báo cáo: Báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ...

+ Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả đầu tư: NPV, IRR, Tỷ số Lợi ích/chi phí...

+ Phân tích tài chính, phân tích kinh tế dự án...

4.3. *Thái độ*: Thông qua học phần giúp sinh viên có thái độ đúng đắn, nhận thức được vị trí, vai trò của công tác thẩm định giá nói chung và thẩm định dự án đầu tư nói riêng trong nền kinh tế. Ngoài ra, thông qua học phần này còn giúp cho sinh viên có được một khối lượng kiến thức vừa và đủ để có thể làm việc độc lập trong công tác lập và thẩm định dự án đầu tư.

Về góc độ lý thuyết thì đây là học phần hàm chứa lượng kiến thức tương đối rộng. Tuy nhiên, với cách tiếp cận có tính thực tiễn học phần này sẽ cung cấp khối lượng kiến thức cho người học sâu nhất trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứ không đề cập nhiều đến dự án xã hội hay dự án cộng đồng.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

STT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	CDR của CTĐT
<i>Về kiến thức</i>			
1	CDR1	- Nắm được các khái niệm đầu tư, dự án đầu tư, chu kỳ dự án đầu tư và cách thức soạn thảo dự án đầu tư đồng thời hiểu biết về hoạt động tổ chức công tác soạn thảo dự án đầu tư, hiểu về đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới và tại Việt Nam.	(4)
2	CDR2	- Hiểu được hoạt động thẩm định dự án đầu tư và mục đích, ý nghĩa, vai trò của thẩm định dự án đầu tư, nắm được thủ tục thẩm định dự án đầu tư, quy trình thẩm định dự án đầu tư và bổ sung hồ sơ dự án.	

3	CĐR3	- Phân tích được thị trường của dự án đầu tư, phân tích môi trường kinh doanh, ma trận SWOT, vận dụng phương pháp tính nhu cầu và khả năng để xác định tính khả thi của dự án, định giá, dự kiến công tác xúc tiến hỗn hợp.	
4	CĐR4	- Nắm bắt được hồ sơ kỹ thuật của dự án bao gồm đặc tính kỹ thuật của sản phẩm dự án, phương pháp sản xuất (quy trình công nghệ), xác định nhu cầu về hệ thống máy móc, nhu cầu về nguyên – vật liệu, năng lượng...	
5	CĐR5	- Hiểu biết về ý nghĩa, yêu cầu đối với việc tổ chức, quản trị và nhân sự trong dự án đầu tư, các loại cơ cấu tổ chức quản trị dự án, hoạch định và tuyển chọn nhân sự, dự trù thù lao lao động cho dự án	
6	CĐR6	- Phân tích được tài chính dự án đầu tư, am hiểu vấn đề lãi suất, giá trị tương lai, giá trị hiện tại, hạch toán lỗ lãi, hiểu phương pháp lập báo cáo ngân lưu của dự án đầu tư, các chỉ tiêu cơ bản khi phân tích tài chính dự án đầu tư, đánh giá độ nhạy cảm của dự án đầu tư, thẩm định độ an toàn tài chính.	
7	CĐR7	- Nắm được ý nghĩa và mục tiêu phân tích lợi ích kinh tế - xã hội của dự án đầu tư, sự khác nhau giữa phân tích tài chính và phân tích kinh tế - xã hội, doanh lợi xã hội của dự án, một số chỉ tiêu hiệu quả khi phân tích kinh tế - xã hội	
Về kỹ năng			
8	CĐR8	+ Giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phỏng vấn thông qua các bài tập thảo luận nhóm	(15,16,17)
9	CĐR9	+ Kỹ năng nghiên cứu, xây dựng dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế xã hội	
10	CĐR10	+ Kỹ năng thẩm định dự án đầu tư để tư vấn cho nhà đầu tư là có nên thực hiện một dự án đầu tư	

		hay không	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ)			
11	CĐR11	+ Hình thành năng lực tự phân tích, nghiên cứu, giải quyết các bài toán liên quan đến thẩm định dự án đầu tư và năng lực làm việc nhóm hiệu quả.	(21,22)
12	CĐR12	+ Có trách nhiệm cao trong công tác xây dựng hoặc thẩm định dự án đầu tư khi hợp tác với các nhà đầu tư nhằm giúp cho các dự án đầu tư đều mang lại lợi ích cho nhà đầu tư và xã hội.	

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm.

6.2. Phương tiện giảng dạy:

Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng, internet. . .

7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

(Theo Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 14/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh).

Loại hình	Nội dung đánh giá	Mô tả cách thực hiện	CDR	Trọng số
Điểm chuyên cần	Nhận thức, thái độ tham gia lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm - Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo	1	10%

			khung ở trên		
Đánh giá quá trình	(1)	Khả năng làm việc nhóm	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ Giảng viên kết hợp với quá trình tham gia thảo luận để cho điểm các bài kiểm tra ở trên	2,3,4,5,6,7,8,9,10	20%
	(2)	Kiến thức, kỹ năng thẩm định dự án đầu tư			
Điểm thi cuối kỳ		Kiến thức tổng hợp học phần	Sinh viên làm bài thi kết thúc học phần theo hình thức thi tự luận	11,12	70%
				Tổng:	100%

9. Tài liệu học tập và tham khảo:

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.

10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Phạm Văn Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Số điện thoại: 085.738.6868 Email: phamvantoan3031982@gmail.com

10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Nguyễn Minh Nhật
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0396.116.758 Email: mrnhat1991@gmail.com

10.3. Giảng viên 3:

- Họ tên: Hoàng Thị Mậu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0919.439.198 Email: mauht.vie@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

Nội dung	Phân bổ thời gian				Tổng cộng
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập, thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	
Chương 1: Tổ chức soạn thảo dự án đầu tư	3	0	1	8	12
Chương 2: Tổ chức thẩm định dự án đầu tư	3	0	1	8	12
Chương 3: Nghiên cứu thị trường của dự án	2	0	2	8	12
Chương 4: Nghiên cứu về kỹ thuật của dự án	2	1	1	8	12
Chương 5: Tổ chức quản trị và nhân sự của dự án	3	0	1	8	12
Chương 6: Phân tích tài chính dự án đầu tư	3	1	2	12	18
Chương 7: Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội	4	0	0	8	12
Tổng cộng	20	2	8	60	90

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

Chương 1: Tổ chức soạn thảo dự án đầu tư

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>1.1. NHỮNG HIỂU BIẾT CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>1.1.1. Đầu tư</p> <p>1.1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.1.2. Quá trình đầu tư</p> <p>1.1.1.3. Các dạng vốn đầu tư</p> <p>1.1.1.4. Các hình thức đầu tư</p> <p>1.1.2. Dự án đầu tư</p> <p>1.1.2.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2.2. Những yêu cầu của một dự án đầu tư</p> <p>1.1.2.3. Ý nghĩa của dự án khả thi hay ý nghĩa của luận chứng kinh tế kỹ thuật</p> <p>1.1.2.4. Phân loại dự án đầu tư</p> <p>1.2. CHU KỲ DỰ ÁN (The project</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p>	CĐR1, CĐR8

	<p>cycle)</p> <p>1.2.1. Giai đoạn tiền xác định (Preidentification)</p> <p>1.2.2. Giai đoạn xác định (Identification)</p> <p>1.2.3. Giai đoạn chuẩn bị (Preparation)</p> <p>1.2.4. Giai đoạn thẩm định (Appraisal)</p> <p>1.2.5. Giai đoạn thực hiện (Implementation)</p> <p>1.2.6. Giai đoạn hoạt động (Operation)</p> <p>1.2.7. Giai đoạn đánh giá (Evaluation)</p> <p>1.2.8. Thanh lý (Liquidation)</p> <p>1.4. TỔ CHỨC CÔNG TÁC SOẠN THẢO DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>1.4.1. Tuyển chọn nhân sự và dự trù kinh phí</p> <p>1.4.1.1. Tuyển chọn nhân sự</p> <p>1.4.1.2. Dự trù kinh phí của dự án đầu tư</p> <p>1.4.2. Tổ chức quy trình soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.4.2.1. Xác định công việc soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.4.2.2. Xác lập thời điểm và quỹ thời gian hoàn thành việc soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.4.3. Thủ tục lập dự án đầu tư</p> <p>1.4.3.1. Chủ đầu tư dự án chuẩn bị lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư theo các nội dung sau</p> <p>1.4.3.2. Hoàn tất dự án theo các nội dung chính như sau</p> <p>1.4.3.3. Hồ sơ xin trình duyệt dự án đầu tư</p> <p>1.4.3.4. Số lượng hồ sơ</p> <p>1.4.3.5. Kiểm tra hồ sơ</p>	<p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.</p>
--	--	---

Tự học, tự nghiên cứu	8	<p>1.3. SOẠN THẢO DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>1.3.1. Mục đích soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.3.2. Phương pháp soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.3.2.1. Nghiên cứu cơ hội đầu tư</p> <p>1.3.2.2. Nghiên cứu tiềm khả thi</p> <p>1.3.2.3. Nghiên cứu khả thi</p> <p>1.3.3. Nội dung soạn thảo dự án đầu tư</p> <p>1.3.3.1. Về phương diện pháp lý</p> <p>1.3.3.2. Về phương diện thị trường</p> <p>1.3.3.3. Về phương diện kỹ thuật</p> <p>1.3.3.4. Về phương diện môi trường</p> <p>1.3.3.5. Về phương diện tổ chức quản trị</p> <p>1.3.3.6. Phương diện tài chính và tài trợ</p> <p>1.3.3.7. Phương diện lợi ích kinh tế - xã hội</p> <p>1.5. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN THẾ GIỚI VÀ TẠI VIỆT NAM</p> <p>1.5.1. Tình hình và xu hướng phát triển FDI trên thế giới và trong khu vực</p> <p>1.5.1.1. Tình hình FDI trên thế giới</p> <p>1.5.1.2. Xu hướng phát triển FDI trên thế giới và trong khu vực</p> <p>1.5.2. FDI tại Việt Nam</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc:</p> <p>Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.</p>	CĐR1, CĐR8
-----------------------	---	---	--	------------

Chương 2: Tổ chức thẩm định dự án đầu tư

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/	4	<p>2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</p> <p>2.1.1. Thẩm định dự án đầu tư và</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc:</p>	CĐR2, CĐR8

Thực hành	<p>mục đích của thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.1.2. Ý nghĩa của việc thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.1.3. Vai trò của thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.1.4. Thẩm định dự án từng phần và toàn phần</p> <p>2.1.4.1. Thẩm định dự án từng phần</p> <p>2.1.4.2. Thẩm định dự án đầu tư toàn phần</p> <p>2.2. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>2.2.2. Hồ sơ để thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.3. Thủ tục thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.3.1 Nội dung thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.3.2. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.3.3. Biện pháp thẩm định</p> <p>2.2.3.4. Thời gian thẩm định</p> <p>2.2.3.5. Nội dung Quyết định đầu tư</p> <p>2.2.4. Sơ đồ quy trình thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.4.1. Quy trình xem xét, thẩm định dự án</p> <p>2.2.4.2. Kỹ thuật thẩm định dự án đầu tư</p>	<p>Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.</p>	
Tự học, tự nghiên cứu	<p>2.1.5. Chuyên viên thẩm định dự án</p> <p>2.2.1. Quy định chung về xem xét, thẩm định dự án đầu tư</p> <p>2.2.1.1. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thực hiện theo quy định đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư</p> <p>2.2.1.2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện thực hiện theo quy trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận đầu tư</p> <p>2.2.5. Những kết luận sau khi thẩm định</p>	<p>- <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i></p> <p>Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và</i></p>	CĐR2, CĐR8,

		2.2.6. Bổ sung hồ sơ dự án	<i>thẩm định dự án đầu tư</i> , PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.	
--	--	-----------------------------------	--	--

Chương 3: Nghiên cứu thị trường của dự án

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	4	3.1. LỰA CHỌN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỦA DỰ ÁN 3.1.1. Căn cứ lựa chọn sản phẩm, dịch vụ của dự án 3.1.2. Mô tả sản phẩm 3.3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG 3.3.1. Các loại dự báo thông dụng 3.3.2. Xác định nhu cầu 3.3.2.1. Nhu cầu quá khứ 3.3.2.2. Nhu cầu dự trù tương lai 3.3.3. Thẩm tra phương pháp tính toán để chọn phương pháp xác định nhu cầu tương lai hợp lý nhất 3.3.4. Phương pháp logarit 3.3.5. Thẩm tra nhu cầu dự trù tương lai đã điều chỉnh 3.3.6. Khả năng cung cấp sản phẩm	- <i>Tài liệu học tập bắt buộc</i> : Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011. - <i>Tài liệu tham khảo</i> : [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và</i>	CĐR3, CĐR8, CĐR11

		3.3.7. Xác định giá bán sản phẩm của dự án	<i>thẩm định dự án đầu tư</i> , ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006.	
Tự học, tự nghiên cứu	8	3.2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 3.2.1. Phân tích môi trường kinh doanh 3.2.1.1. Môi trường bên ngoài 3.2.1.2. Môi trường bên trong 3.2.2. Ma trận SWOT 3.2.2.1. Khái quát về ma trận SWOT 3.2.2.2. Các điểm mạnh, điểm yếu 3.2.2.3. Cơ hội và đe dọa 3.4. TIẾP THỊ 3.4.1. Dự án phương thức phân phối 3.4.2. Dự án công tác khuyến thị 3.4.2.1. Quảng cáo 3.4.2.2. Xúc tiến bán hàng	- <i>Tài liệu học tập bắt buộc</i> : Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011. - <i>Tài liệu tham khảo</i> : [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i> , ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006	CĐR3, CĐR8, CĐR11

Chương 4: Nghiên cứu về kỹ thuật của dự án

Hình thức tổ chức	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
-------------------	---------	----------------	-----------------------------	-------------------

dạy học				
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>4.1. KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT</p> <p>4.1.1. Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm dự án</p> <p>4.1.2. Phương pháp sản xuất (quy trình công nghệ)</p> <p>4.1.3. Xác định nhu cầu về hệ thống máy móc</p> <p>4.1.3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn máy móc</p> <p>4.1.3.2. Những yêu cầu về phương pháp chọn lựa thiết bị máy móc và cách xác định tính đồng bộ của nó</p> <p>4.1.4. Phương pháp đặt mua máy móc thiết bị</p> <p>4.2. NGUYÊN – VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG</p> <p>4.2.3. Nhu cầu nguyên – vật liệu hàng năm của dự án</p> <p>4.2.4. Năng lượng – nhiên liệu và các nhu cầu phục vụ sản xuất</p> <p>4.2.4.1. Năng lượng</p> <p>4.2.4.2. Nhiên liệu</p> <p>4.3. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC XÂY DỰNG</p> <p>4.3.1. Địa điểm xây dựng</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao Động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	CĐR4, CĐR8, CĐR9, CĐR11
Tự học, tự nghiên cứu	8	<p>4.2.1. Chất lượng nguyên – vật liệu</p> <p>4.2.2. Nguồn và khả năng cung cấp nguyên – vật liệu</p> <p>4.3.2. Giải pháp tổ chức xây dựng dự án</p> <p>4.3.2.1. Mục đích</p> <p>4.3.2.2. Nội dung nghiên cứu giải pháp tổ chức xây dựng</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>,</p>	CĐR4, CĐR8, CĐR9, CĐR11

			<p>PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	
--	--	--	---	--

Chương 5: Tổ chức quản trị và nhân sự của dự án

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>5.1. Ý NGHĨA, YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ NHÂN SỰ TRONG DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>5.1.1. Ý nghĩa</p> <p>5.1.2. Yêu cầu</p> <p>5.1.3. Tiêu thức đánh giá tính hiệu quả của mô hình tổ chức</p> <p>5.2. CÁC LOẠI CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ DỰ ÁN</p> <p>5.2.1. Cấu trúc giản đơn</p> <p>5.2.1.1. Ưu điểm</p> <p>5.2.1.2. Nhược điểm</p> <p>5.2.2. Cấu trúc chức năng</p> <p>5.2.2.1. Ưu điểm</p> <p>5.2.2.2. Nhược điểm</p> <p>5.2.3. Cấu trúc trực tuyến</p> <p>5.2.3.1. Cấu trúc trực tuyến theo chức năng</p> <p>5.2.3.2. Cấu trúc trực tuyến theo sản</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo: [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân,</p>	<p>CĐR5, CĐR8, CĐR9, CĐR11</p>

		<p>phẩm, địa lý, khách hàng</p> <p>5.2.4. Cấu trúc tham mưu – trực tuyến</p> <p>5.2.4.1. Ưu điểm</p> <p>5.2.4.2. Nhược điểm</p> <p>5.2.5. Cấu trúc ma trận dự án</p> <p>5.2.5.1. Ưu điểm</p> <p>5.2.5.2. Nhược điểm</p> <p>5.3. XÂY DỰNG CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DỰ ÁN</p> <p>5.3.3. Yếu tố kỹ thuật – công nghệ</p> <p>5.3.4. Quy mô dự án</p> <p>5.3.5. Nguồn nhân lực</p> <p>5.3.6. Hình thức pháp lý của dự án</p> <p>5.4. HOẠCH ĐỊNH VÀ TUYỂN CHỌN NHÂN SỰ</p> <p>5.4.1. Hoạch định nhân sự</p> <p>5.4.1.1. Định nghĩa</p> <p>5.4.1.2. Tiến trình hoạch định nhân sự</p>	<p>TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	
Tự học, tự nghiên cứu	8	<p>5.3.1. Môi trường kinh doanh</p> <p>5.3.2. Mục đích, chức năng hoạt động của dự án</p> <p>5.4.2. Quy trình tuyển chọn nhân sự</p> <p>5.5. DỰ TRÙ THÙ LAO LAO ĐỘNG</p> <p>5.5.1. Dự trữ nhân sự</p> <p>5.5.1.1. Dự trữ nhân sự gián tiếp</p> <p>5.5.1.2. Dự trữ công nhân trực tiếp sản xuất</p> <p>5.5.2. Thù lao lao động của dự án</p> <p>5.5.2.1. Xây dựng thang bảng lương</p> <p>5.5.2.2. Xây dựng đơn giá tiền lương</p> <p>5.5.2.3. Xây dựng quy chế trả lương</p>	<p>- <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i></p> <p>Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS.</p>	<p>CĐR5, CĐR8, CĐR9, CĐR11</p>

			Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006	
--	--	--	--	--

Chương 6: Phân tích tài chính dự án đầu tư

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	6	<p>6.1. CÁC CĂN CỨ TÍNH TOÁN</p> <p>6.2. VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ</p> <p>6.2.1. Dự toán tổng kinh phí đầu tư cho dự án</p> <p>6.2.2. Nguồn vốn của dự án</p> <p>6.3. VẤN ĐỀ LÃI SUẤT</p> <p>6.3.1. Vay vốn lưu động</p> <p>6.3.1.1. Lãi đơn</p> <p>6.3.1.2. Lãi kép</p> <p>6.3.2. Vay vốn đầu tư ban đầu</p> <p>6.3.3. Xác định lãi suất chiết khấu của dự án</p> <p>6.9. PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO NGÂN LƯU CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)</p> <p>6.9.1. Xác định nhu cầu vốn và nguồn vốn</p> <p>6.9.2. Tính khấu hao</p> <p>6.9.3. Tính nợ gốc và tiền lãi</p> <p>6.9.4. Lập bảng hạch toán lỗ lãi</p> <p>6.9.5. Xác định khoản phải thu</p> <p>6.10.3. Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn, hiện giá thuần (NPV) và tỷ suất lợi phí (BCR)</p> <p>6.10.3.1. Thời gian hoàn vốn không chiết khấu</p> <p>6.10.3.2. Thời gian hoàn vốn có chiết</p>	<p>- <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i> Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	CDR6, CDR8, CDR9, CDR10

		<p>khấu, hiện giá thuần (NPV) và tỷ suất lợi phí (BCR)</p> <p>6.10.4. Tỷ suất doanh lợi nội bộ (IRR – Internal Rate of Return)</p> <p>6.10.5. Một số ví dụ phân tích các chỉ tiêu thể hiện tính khả thi về phương diện tài chính của dự án</p> <p>6.10.5.1. Trường hợp 1: Dự án không có hàng tồn kho</p> <p>6.10.5.2. Trường hợp 2: Tổng chi phí trừ khấu hao</p> <p>6.10.5.3. Trường hợp 3: Cho chi tiết các khoản mục chi phí</p> <p>6.13. BÀI TẬP TỔNG HỢP VÀ ỨNG DỤNG PHẦN MỀM CRYSTAL BALL</p> <p>6.13.1. Ví dụ 6.29</p> <p>6.13.2. Phương pháp mô phỏng để đánh giá mức độ rủi ro của dự án</p> <p>6.13.3. Ứng dụng vào phân tích đánh giá kết quả</p> <p>6.13.3.1. Kết quả phân tích mô phỏng qua chỉ tiêu NPV</p> <p>6.13.3.2. Kết quả phân tích mô phỏng qua chỉ tiêu BCR</p> <p>6.13.3.3. Kết quả phân tích mô phỏng qua chỉ tiêu IRR</p> <p>6.13.3.4. Kết quả phân tích mô phỏng qua sự biến động của sản lượng, giá bán và chi phí</p>		
Tự học, tự nghiên cứu	12	<p>6.3.4. Xác định lãi suất chiết khấu có xét đến yếu tố lạm phát</p> <p>6.4. GIÁ TRỊ TƯƠNG LAI</p> <p>6.4.1. Giá trị tương lai của khoản thu nhập đơn</p> <p>6.4.2. Giá trị tương lai dòng tiền thay đổi</p> <p>6.5. GIÁ TRỊ HIỆN TẠI</p> <p>6.6. DỰ TRÙ CHI PHÍ SẢN XUẤT HÀNG NĂM</p> <p>6.7. DỰ TRÙ BẢNG TỔNG KẾT</p>	<p>- Tài liệu học tập bắt buộc: Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- Tài liệu tham khảo:</p>	CĐR6, CĐR8, CĐR9, CĐR10

	<p>TÀI SẢN</p> <p>6.8. HẠCH TOÁN LỖ LÃI</p> <p>6.8.1. Quan điểm 1</p> <p>6.8.1.1. Trường hợp dự án có sản phẩm phụ</p> <p>6.8.1.2. Trường hợp dự án không có sản phẩm phụ</p> <p>6.8.2. Quan điểm 2</p> <p>6.8.2.1. Trường hợp dự án có hàng tồn kho</p> <p>6.8.2.2. Trường hợp dự án không có hàng tồn kho</p> <p>6.8.3. Quan điểm 3</p> <p>6.9.6. Xác định khoản phải trả</p> <p>6.9.7. Dự trữ quỹ tiền mặt</p> <p>6.9.8. Lập báo cáo ngân lưu</p> <p>6.9.8.1. Lập bảng báo cáo ngân lưu theo quan điểm tổng vốn đầu tư</p> <p>6.9.8.2. Lập bảng báo cáo ngân lưu theo quan điểm toàn bộ vốn chủ sở hữu</p> <p>6.9.9. Ví dụ tổng hợp khi lập bảng ngân lưu của dự án</p> <p>6.10. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN KHI PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>6.10.1. Dự trữ doanh thu và hạch toán lỗ lãi</p> <p>6.10.2. Phương pháp phân tích điểm hòa vốn (BEP – Break Even Point)</p> <p>6.10.2.1. Điểm hòa vốn lý thuyết (ĐHV_{lt})</p> <p>6.10.2.2. Điểm hòa vốn tiền tệ (điểm hòa vốn hiện kim)</p> <p>6.10.2.3. Điểm hòa vốn trả nợ</p> <p>6.11. ĐÁNH GIÁ ĐỘ NHẠY CẢM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>6.12. THẨM ĐỊNH ĐỘ AN TOÀN TÀI CHÍNH</p>	<p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	
--	--	---	--

Chương 7: Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Nội dung chính	Tài liệu học tập, tham khảo	Chuẩn đầu ra (HP)
Lý thuyết/ Thực hành	4	<p>7.1. Ý NGHĨA VÀ MỤC TIÊU PHÂN TÍCH LỢI ÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>7.1.1. Ý nghĩa</p> <p>7.1.2. Mục tiêu phân tích lợi ích kinh tế - xã hội</p> <p>7.2. SỰ KHÁC NHAU GIỮA PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>7.2.1. Về mặt quan điểm</p> <p>7.2.2. Về phương diện tính toán</p> <p>7.2.2.1. Thuế</p> <p>7.2.2.2. Lương</p> <p>7.2.2.3. Các khoản nợ</p> <p>7.2.2.4. Trợ giá, bù giá hay miễn giảm thuế</p> <p>7.2.2.5. Giá cả</p> <p>7.3. DOANH LỢI XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN</p> <p>7.3.1. Khái niệm về doanh lợi xã hội (Social Profit)</p> <p>7.4.2. Tỷ suất chiết khấu xã hội SRD (Social Rate of Discount)</p> <p>7.4.3. Phân tích tỷ giá hối đoái điều chỉnh (AER)</p> <p>7.4.4. Giá trong nước điều chỉnh (ADP)</p> <p>7.4.5. Điều chỉnh giá cả</p> <p>7.5. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ KINH TẾ CÓ HIỆN GIÁ</p> <p>7.5.1. Chỉ tiêu hiện giá giá trị gia tăng quốc dân thuần của dự án – P(NNVA)</p>	<p>- <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i></p> <p>Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011.</p> <p>- <i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>[1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010.</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	<p>CĐR7, CĐR8, CĐR9, CĐR10, CĐR11, CĐR12</p>

<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<p>8</p>	<p>7.3.2. Các xác định doanh lợi xã hội của dự án đầu tư 7.3.2.1. Hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư: Thường được xác định thông qua các chỉ tiêu sau 7.3.2.2. Các chỉ tiêu lợi nhuận bằng ngoại tệ 7.3.3. Chỉ tiêu mức độ thu hút lao động 7.3.4. Đóng góp vào ngân sách 7.4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ KHI PHÂN TÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI 7.4.1. Phân tích tổng hợp giá trị gia tăng của dự án 7.5.2. Chỉ tiêu hiện giá tiền lương trong nước P(W) 7.5.3. Chỉ tiêu hiện giá giá trị thặng dư xã hội P(SS) 7.6. XÁC ĐỊNH LỢI ÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN</p>	<p>- <i>Tài liệu học tập bắt buộc:</i> Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Phước Minh Hiệp, ThS. Lê Thị Vân Đan, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội, 2011. - <i>Tài liệu tham khảo:</i> [1]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, PGS.TS. Vũ Công Tuấn, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010. [2]. Giáo trình <i>Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư</i>, ThS. Nguyễn Quốc Ân, TS. Phạm Thị Hà, ThS. Phan Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Quang Thu, NXB Thống kê, Hà Nội, 2006</p>	<p>CDR7, CDR8, CDR9, CDR10, CDR11, CDR12</p>
--	----------	---	---	--

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Trần Đình Thắng

Trần Đình Thắng

Phạm Văn Toàn